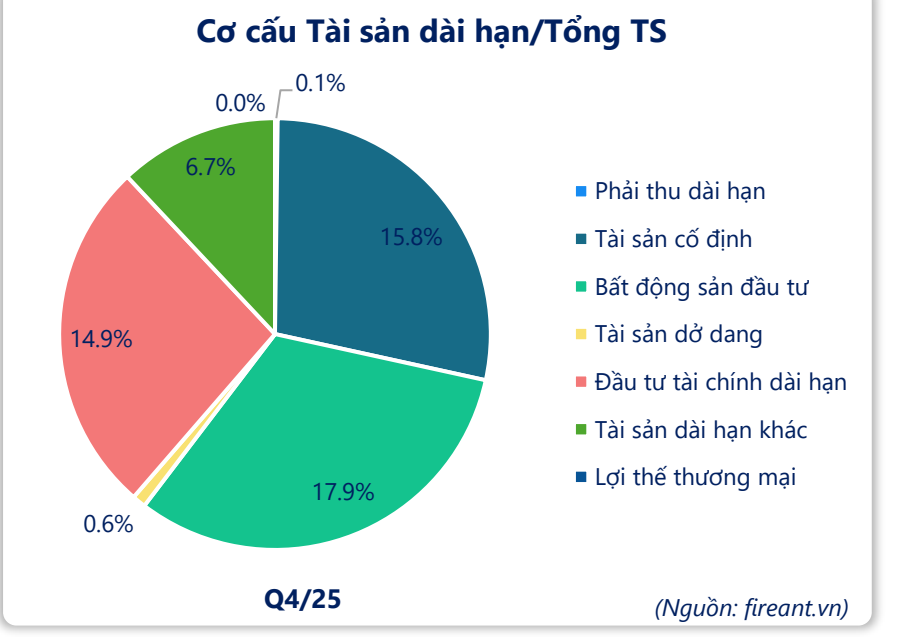
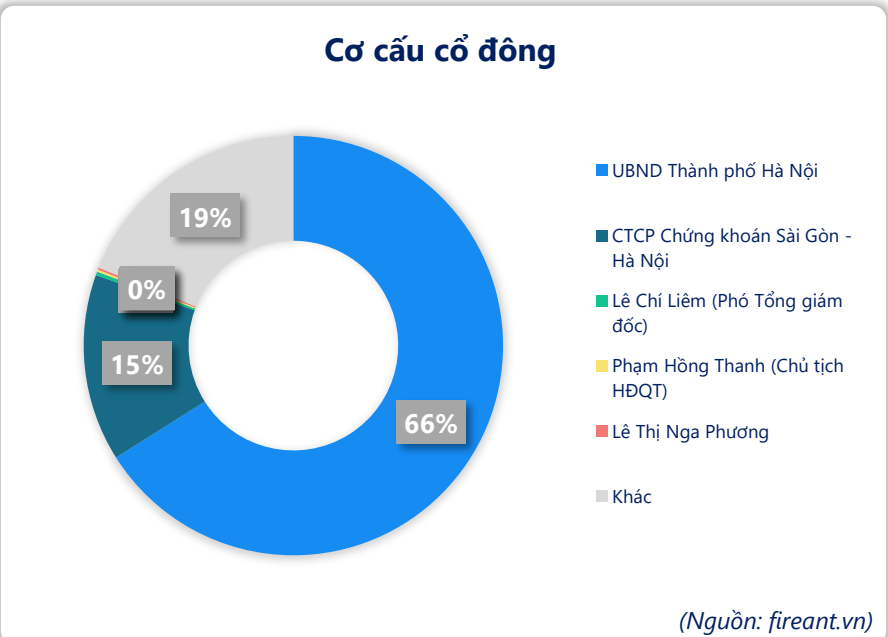
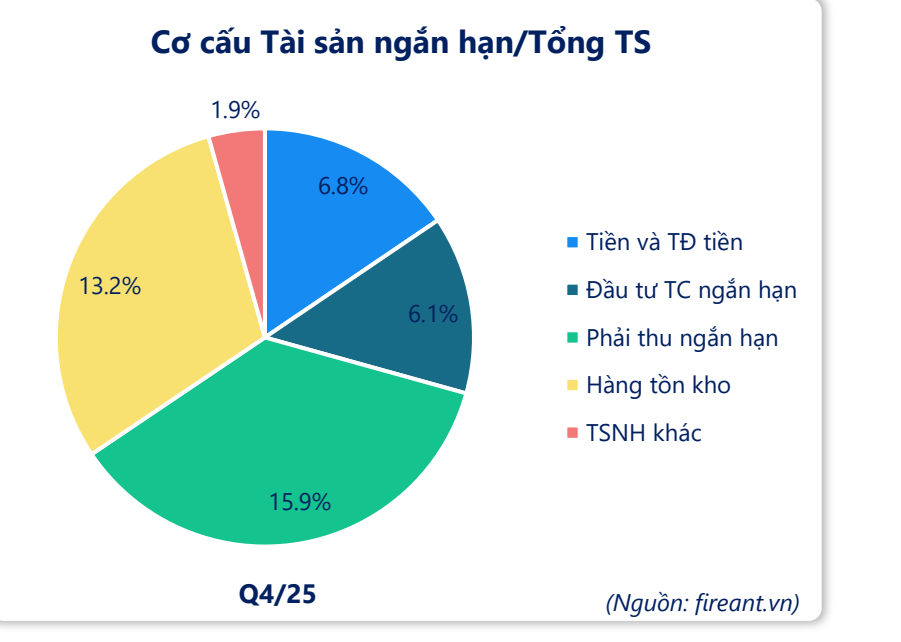
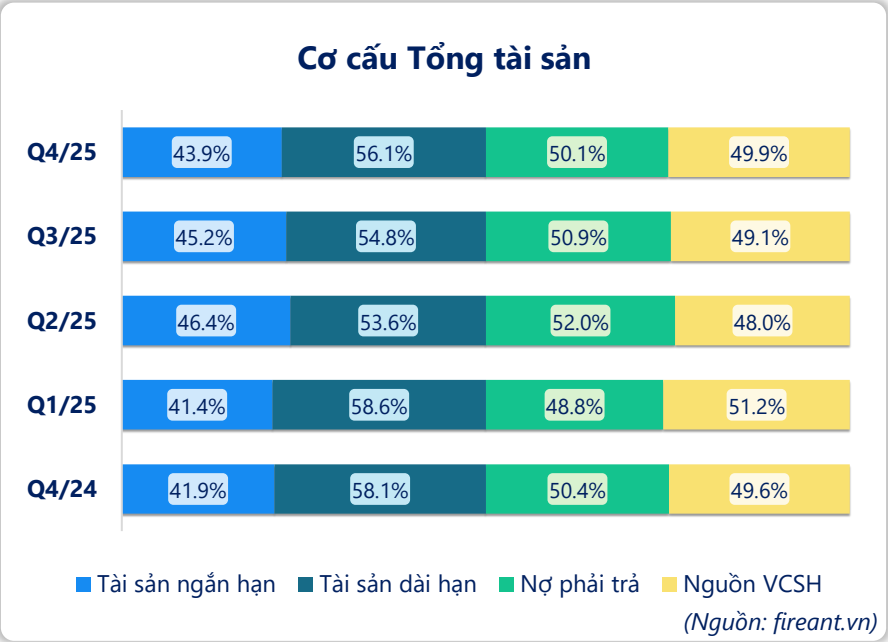
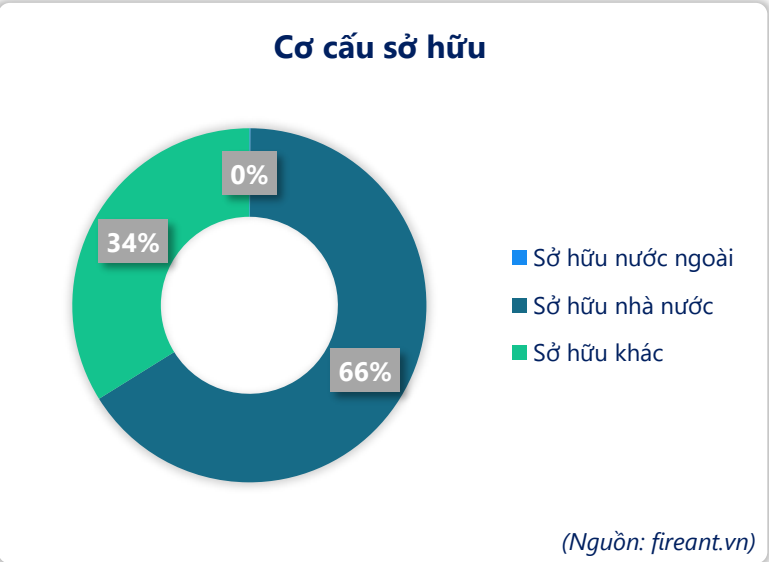
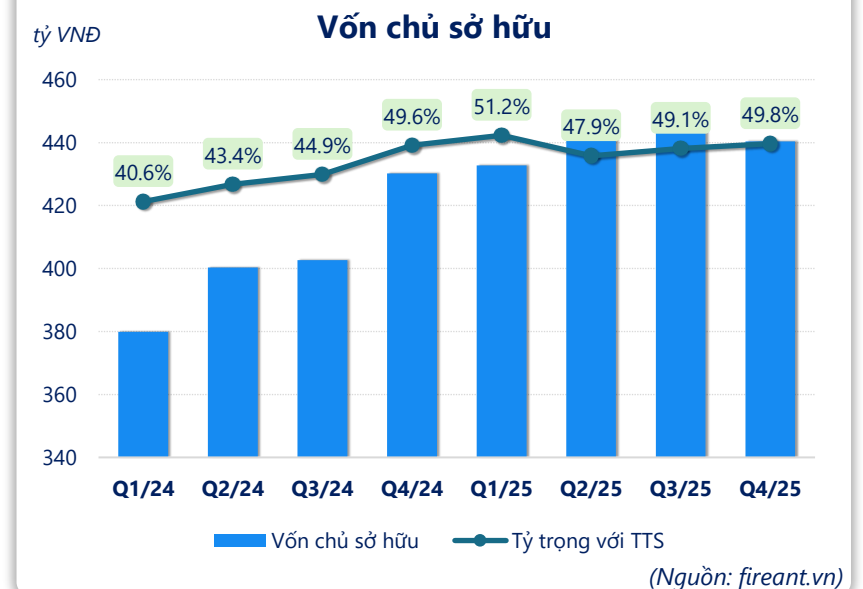
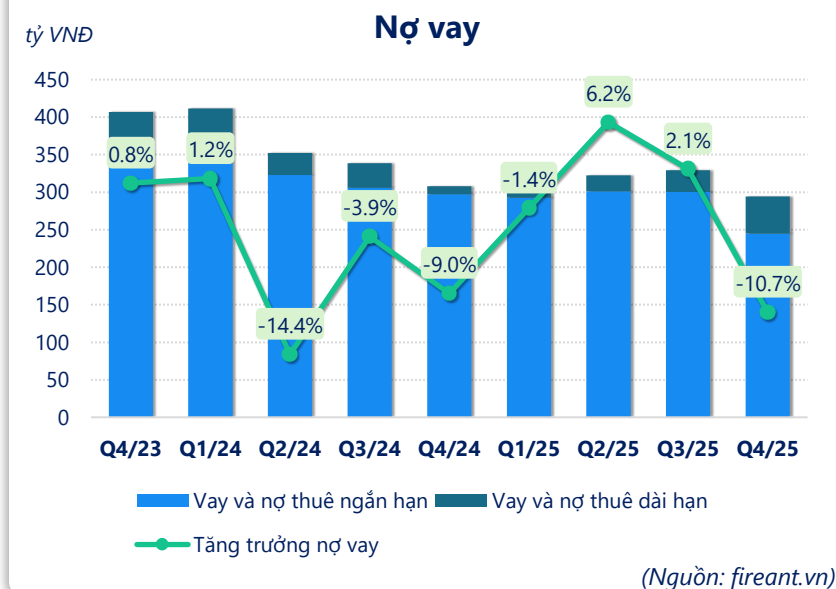
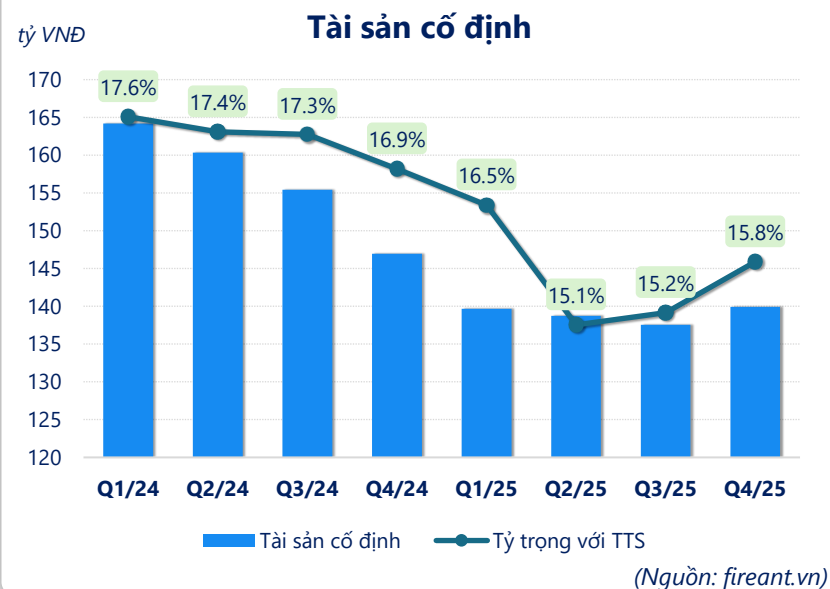
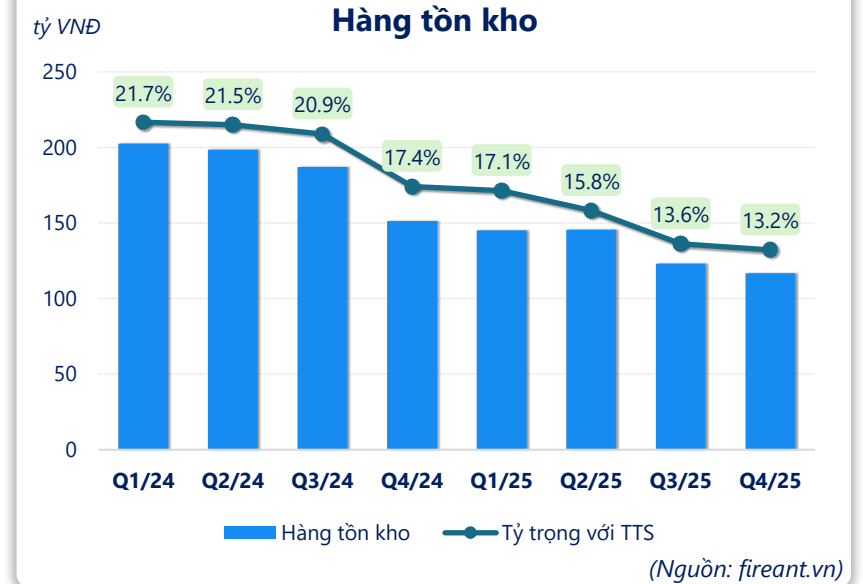
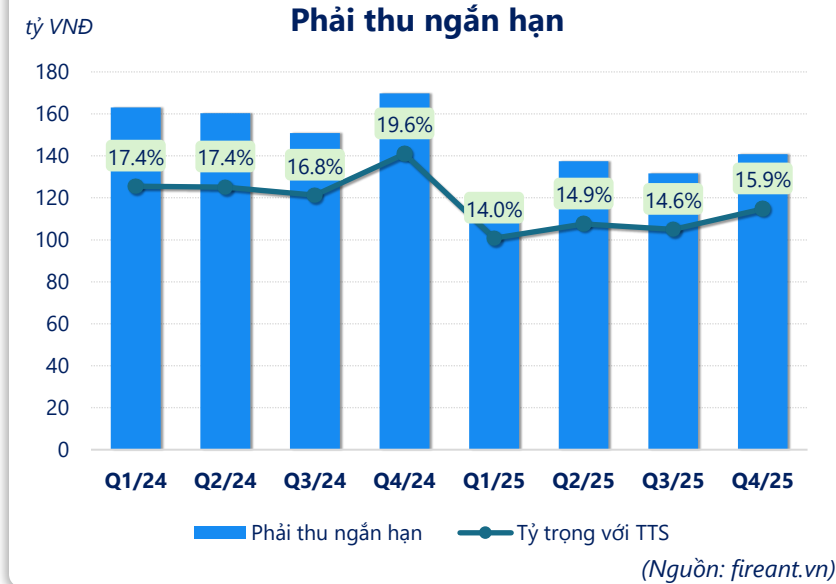
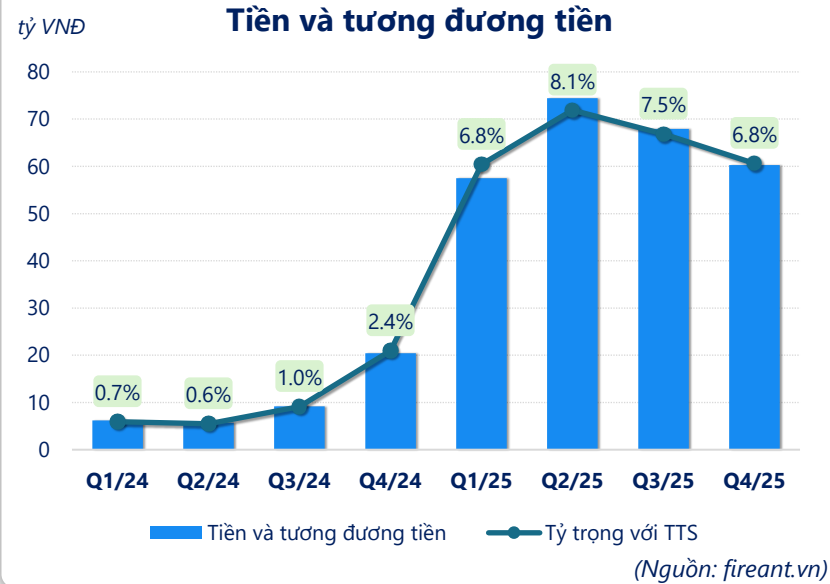
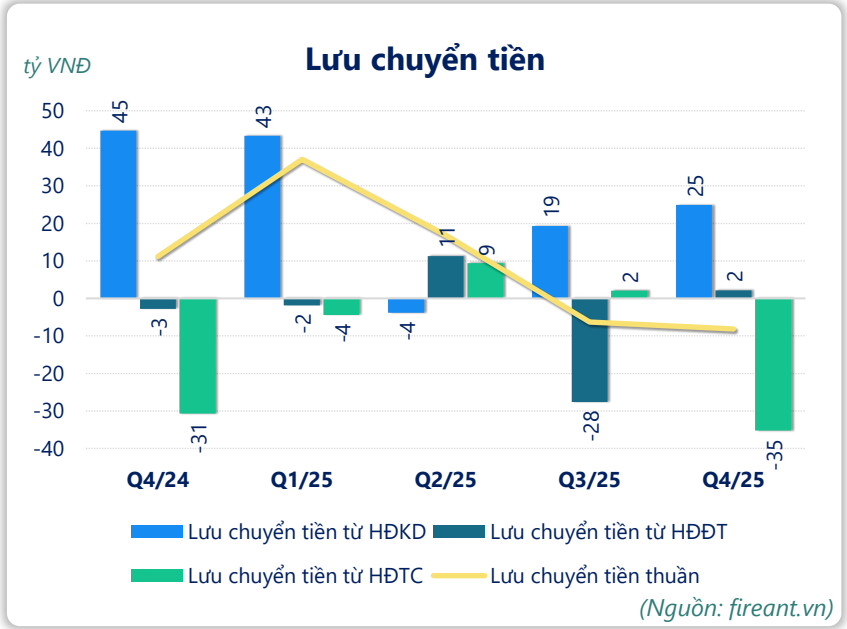
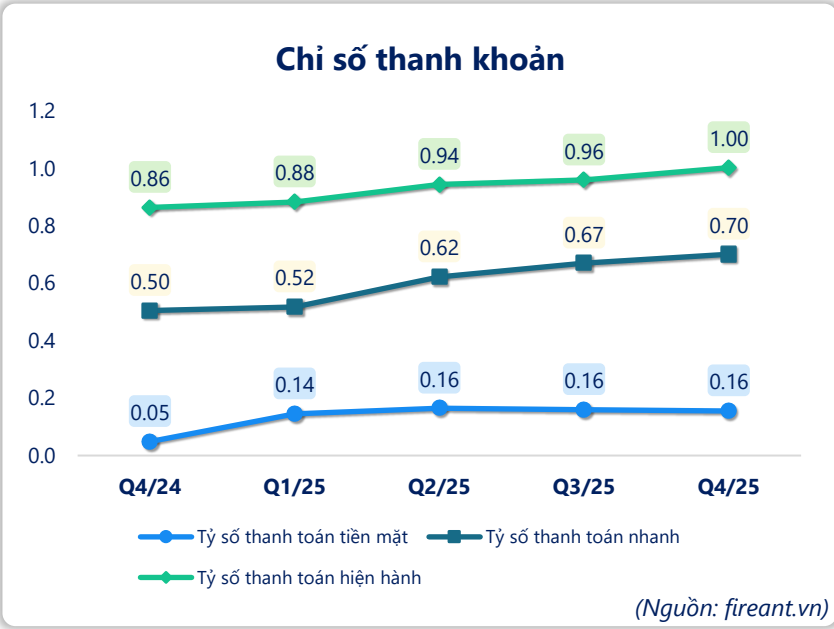
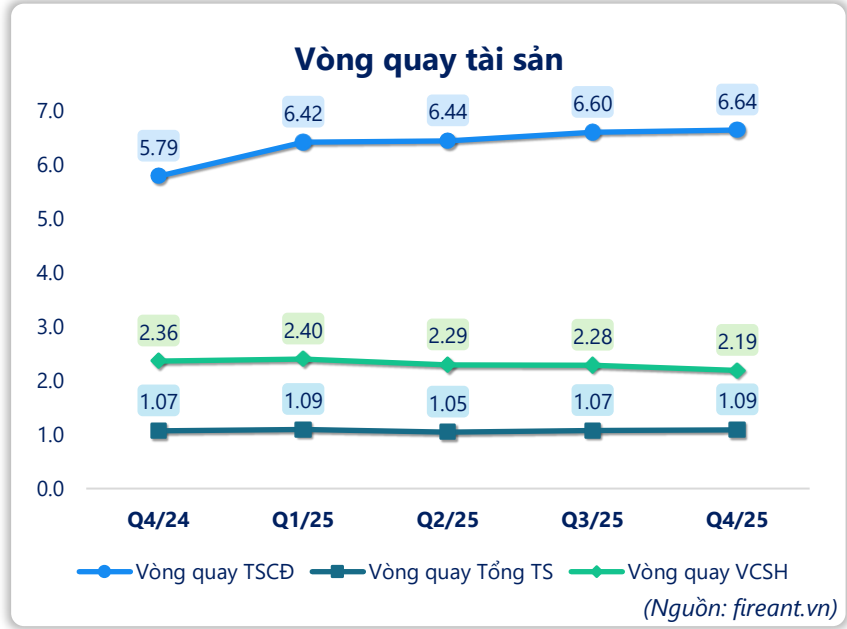
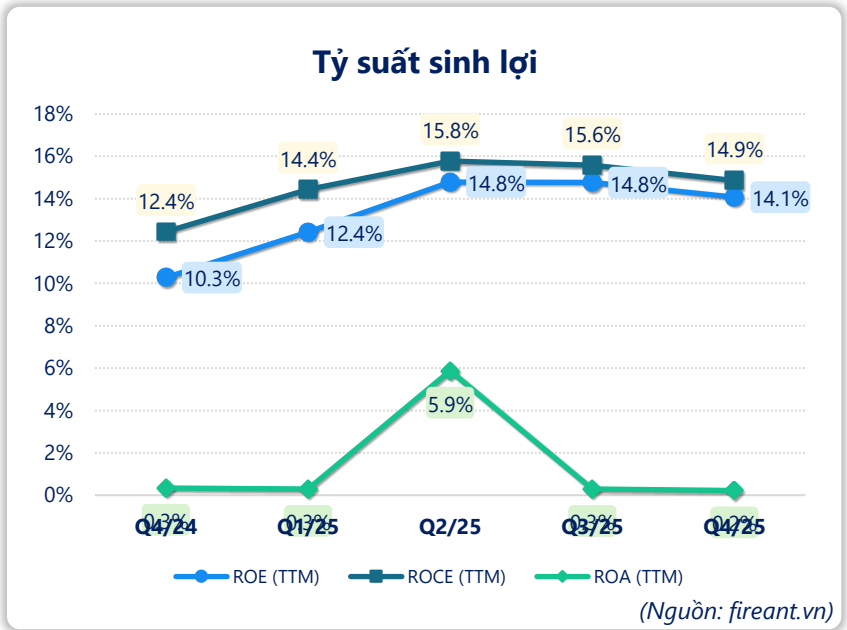
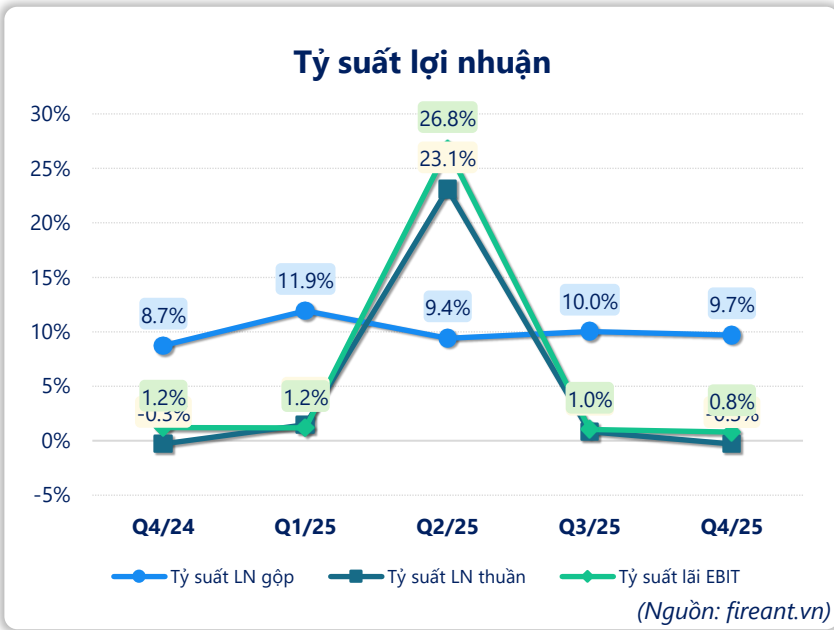
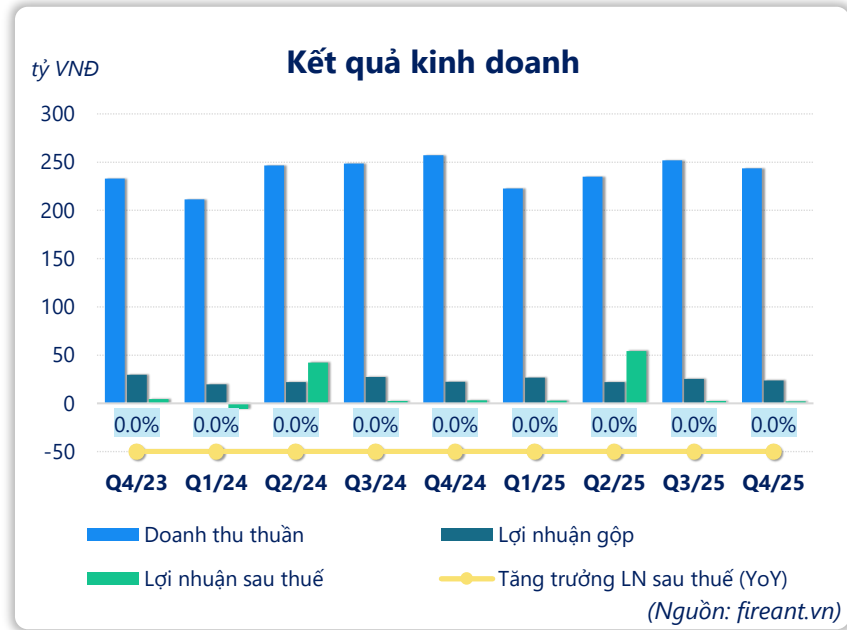


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,235
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,521
SL cổ phiếu LH		19,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,165
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		357
P/E		5.8
EPS		3,190

	YTD	1T	3T	6T
KTL	12.4%	-10.1%	-7.0%	-23.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	884	868	1.9%
Tài sản ngắn hạn	388	363	7.0%
Tiền và tương đương tiền	60.3	20.4	195%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.6	0.46	11484%
Phải thu ngắn hạn	141	170	-17.1%
Hàng tồn kho	117	151	-22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	21.2	-20.0%
Tài sản dài hạn	496	505	-1.8%
Phải thu dài hạn	0.98	0.49	98.7%
Tài sản cố định	140	147	-4.8%
Bất động sản đầu tư	158	164	-3.6%
Tài sản dở dang	5.02	2.16	133%
Đầu tư tài chính dài hạn	132	132	0.0%
Tài sản dài hạn khác	59.4	58.9	0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	443	437	1.4%
Nợ ngắn hạn	388	421	-8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	245	297	-17.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	86.0	75.6	13.8%
Nợ dài hạn	55.4	15.5	256%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.3	10.9	352%
Nguồn vốn chủ sở hữu	441	431	2.4%
Vốn chủ sở hữu	440	430	2.4%
Vốn điều lệ	192	192	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.52	0.52	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	257	223	235	252	243
Giá vốn hàng bán	235	196	213	227	220
Lợi nhuận gộp	22.5	26.6	22.1	25.2	23.6
Doanh thu HĐTC	2.12	0.55	56.1	0.85	2.28
Chi phí TC	5.93	4.36	4.57	3.95	4.84
Chi phí lãi vay	0	0	8.78	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.44	0.45	0.17	0.74	1.23
Chi phí QLDN	19.0	19.0	19.2	19.3	20.5
LN thuần từ HĐKD	-0.71	3.31	54.2	2.11	-0.73
Lợi nhuận khác	3.83	-0.69	-0.10	0.46	2.67
LN trước thuế	3.12	2.62	54.1	2.57	1.94
Lợi nhuận sau thuế	3.12	2.62	54.1	2.57	1.94
LNST của CĐ cty mẹ	3.12	2.62	54.1	2.57	1.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.7	43.3	-3.83	19.3	24.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.79	-1.90	11.3	-27.6	2.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.7	-4.39	9.35	2.05	-35.2
Tiền đầu kỳ	9.21	20.4	57.5	74.4	67.9
Lưu chuyển tiền thuần	11.2	37.0	16.8	-6.34	-8.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0	0.17	-0.17	0.51
Tiền cuối kỳ	20.4	57.5	74.4	67.9	60.3

(Nguồn: fireant.vn)